TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023 và Q định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thúy T, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Trung, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Trung, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nông Thúy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và sống chung từ cuối năm 2018, sau đó đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2021, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Việc kết hôn là do 02 bên tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách sống cũng như mọi công việc trong gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất, vì vậy ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế trong gia đình, mọi việc làm trong gia đình đều không có sự bàn bạc, thống nhất, không ai

bảo được ai thích làm gì thì làm, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng và gia đình đã dàn xếp mục đích để chị với anh Q sống với nhau được hòa thuận nhưng không có kết quả, càng ngày vợ chồng càng xa lánh và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Anh M, sinh ngày 05/4/2019, chị yêu cầu Tòa án giao cho anh Q được nuôi con chung. Vì hiện chị không có chỗ ở ổn định và chị không muốn con phải thay đổi môi trường sống vì cháu còn nhỏ.

Về tài sản chung: Vợ chồng chưa có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải Q. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay của ai và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu tòa án giải Q.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nhưng chị xin thay đổi về con chung. Chị xin được nuôi con chung là Lê Anh M. Lý do chị xin nuôi con chung là vì con chị còn nhỏ, chị muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con. Anh Q là đối tượng nghiện ma túy nên chị không yên tâm khi giao con cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty Luxshare khu công nghiệp Vân Trung, thu nhập bình quân 7.000.000đồng/tháng.

* Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại tòa theo quy định.

- Ý kiến giải Q vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thúy T được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thúy T được nuôi con chung là Lê Anh M, sinh ngày 05/4/2019.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về thẩm quyền giải Q vụ án: Bị đơn là anh Lê Văn Q hiện cư trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thúy T và anh Lê Văn Q kết hôn ngày 23/4/2021, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng vợ chồng: Lời khai của chị T về việc do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2022 là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và tại gia đình anh Q về tình trạng hôn nhân của chị T và anh Q. Anh Q không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T, là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị T, anh Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu T, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc xin được nuôi con chung là Lê Anh M, sinh ngày 05/4/2019. Chị T có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Con chung hiện vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát tốt nhất cho con. Lời khai của chị T về việc anh Q nghiện ma túy là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Anh Q không đến Tòa để trình bày ý kiến về vấn đề con chung là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Anh M, sinh ngày 05/4/2019, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Nông Thúy T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thúy T được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thúy T trực tiếp nuôi con chung là Lê Anh M, sinh ngày 05/4/2019.

Anh Lê Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Chị Nông Thúy T phải chịu 300.000đồng đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010034 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị Nông Thúy T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tin **Nguyễn Thị Thủy Khơi** **Thân Văn Hiếu**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hiếu